

Bản án số: 09/2019/HS-ST

Ngày: 06 - 3 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạnh;

Ông Trần Bá Trung;

Ông Dương Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quang Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/TLST-HS ngày 19/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo.

- Bị cáo: Nguyễn Minh T, sinh ngày: 22/8/1989, tại Quảng Bình; nơi cư trú: Lý Thái T, phường T, thị xã H, tỉnh TT Huế; nghề nghiệp: Nguyên Trung úy, cán bộ công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959 và bà: Hồ Thị H, sinh năm 1960; vợ: Hoàng Lê Kim N, sinh năm 1991; con: có 01 con, sinh năm 2016.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với gia đình tại xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình, học đến lớp 12/12. Từ tháng 10 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013, học tại Trường Cảnh sát nhân dân. Từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 7 năm 2017, công tác tại đội Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 04/8/2017, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định về việc kỷ luật cán bộ bằng hình thức: Giáng cấp bậc hàm từ Trung úy xuống Thiếu úy và Quyết định xuất ngũ đối với sĩ quan Công an nhân dân cho đến ngày gây án.

Ngày 05/01/2018, Thị ủy H – Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định xóa tên bị cáo Nguyễn Minh T trong danh sách Đảng viên.

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế từ ngày 13/3/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bị cáo không yêu cầu.

- ***Bị hại:***

1. Bà Mai Thị Thúy V, sinh năm 1987, trú tại: 31 N, phường P, thành phố H. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Đăng T, sinh năm 1957, trú tại: 237 T, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Ty T, sinh năm 1973, trú tại: 266 B, thành phố H. Vắng mặt.

4. Ông Hồ Văn M, sinh năm 1971, trú tại: thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Ông Dương Viết H, sinh năm: 1975, trú tại: 107 P, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1978, trú tại: 03 N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

7. Bà Võ Thị B, sinh năm 1964, trú tại: 3/5 L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Anh Châu Văn Minh N, sinh năm 1989, trú tại: Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Huyền T, sinh năm 1989, trú tại: 237 T, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

3. Bà Phan Thị TH, sinh năm 1969, trú tại: Thôn H, xã Q, huyện, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1986, trú tại: 25 L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Trần Thị Lệ H, Trú tại: 38 T, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1960, trú tại: Thôn, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

7. Ông Phan Đình H, sinh năm 1987, trú tại: Số 16 M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

8. Anh Trần Phi L, sinh năm 1993, trú tại: phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Ông Lê Văn T, sinh năm 1970, trú tại: 03 N, phường Phú Nhuận, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Ông Lê Hồng M, sinh năm 1965, trú tại: KTT X, phường T, thành phố H,

tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

11. Anh Nguyễn Như Q, sinh năm 1991, trú tại: L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

12. Bà Lê Thị Tâm H, sinh năm 1962, trú tại: 29 P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

13. Bà Trần Thị H, sinh năm 1987, trú tại: C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, Nguyễn Minh T dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của 07 người ở địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Do có mối quan hệ đồng nghiệp làm cùng cơ quan với nhau, nên vào ngày 16/3/2017, Nguyễn Minh T điện thoại nói dối anh Châu Văn Minh N (trú tại: thành phố H) nhờ hỏi có quen biết người nào cho vay tiền để làm giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất không. Nghe vậy, anh N điện thoại cho chị dâu là Mai Thị Thúy V (trú tại: thành phố H) để hỏi và giới thiệu T đến gặp để vay tiền. Đến khoảng 17 giờ ngày 18/3/2017, T điện thoại gặp chị V nói dối là mượn 50.000.000 đồng để làm giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và hẹn khoảng 20 ngày đến 30 ngày sau có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thế chấp vay ngân hàng trả lại tiền. Tin tưởng T là cán bộ công an và có sự giới thiệu của anh N, nên chị V đồng ý cho T mượn tiền. Khoảng 15 phút sau, T đến gặp chị V viết giấy mượn tiền và đưa cho chị V cất giữ Thẻ đảng viên để làm tin. Đến ngày 20/3/2017, T nói dối với chị V là mượn lại Thẻ đảng viên để về đơn vị kiểm tra và đưa cho chị V cất giữ giấy phép lái xe. Sau đó, T không trả lại Thẻ đảng viên và sử dụng đem đi cầm cố để chiếm đoạt tài sản của người khác.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 18/3/2017 và 01 Giấy phép lái xe số 000699 ngày 18/3/2016 của phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho Nguyễn Minh T.

Như vậy, Nguyễn Minh T chiếm đoạt của chị Mai Thị Thúy V số tiền 50.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Vụ 2: Vào khoảng 14 giờ 30 ngày 15/4/2017, Nguyễn Minh T đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ H (địa chỉ: thành phố Huế) gặp ông Nguyễn Đăng T để hỏi cầm cố xe mô tô 75U1-3349 (xe của vợ T). T giới thiệu bản thân là cán bộ công an thị xã H và biết ông T có cho vay tiền, cho thuê xe, nên T nói dối là cần vay tiền để đóng tiền đất, xây nhà riêng và cha mẹ hứa bán đất ở thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho hai vợ chồng, nhưng chưa bán được nên mới đi vay và hẹn 10 ngày sau bán đất được sẽ trả lại tiền. Tin tưởng lời T nói là thật và nghĩ T là cán bộ công an, nên ông T đã cho T vay số tiền 60.000.000 đồng. T viết giấy mượn tiền và đưa giấy Chứng minh công an nhân dân cho ông T cất giữ để làm tin.

Đến khoảng 15 giờ ngày 19/4/2017, với thủ đoạn nêu trên T đến gặp ông T tiếp tục vay thêm số tiền 60.000.000 đồng. Tin lời T nói, nên ông T đồng ý cho T vay thêm số tiền 60.000.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, T đến gặp ông T nói dối là mượn lại Chứng minh công an nhân dân để về đơn vị kiểm tra, nên ông T đưa lại cho T cất giữ.

Do đến thời hạn nhưng T chưa có tiền trả nợ vay cho ông T, nên ngày 18/4/2017, T nói với chị Nguyễn Huyền T (con gái của ông T) là thuê xe mô tô Honda SH 75F1-339.11 của chị Trang đem đi cầm cố để trả tiền lãi cho ông T, 10 ngày sau sẽ trả lại xe, thì chị T đồng ý cho T thuê xe 10 ngày với số tiền là 750.000 đồng. Sau đó, T đến gặp chị Phan Thị Thanh H (trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, chủ cơ sở cầm đồ C) để cầm cố mô tô Honda SH 75F1-339.11, với số tiền 35.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2017, T đến gặp chị H lấy lại xe mô tô Honda SH 75F1-339.11, rồi đem về trả lại cho chị T. Ngày 10/6/2017, T đến công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bảo Phát (địa chỉ: 25 L, phường P, thành phố H) gặp anh Nguyễn Văn D (trú tại: thành phố Huế) giới thiệu bản thân là công an thị xã H và nói là đang nợ tiền của ông T, nên muốn thuê xe ô tô của anh D gửi cho ông T cất giữ để làm tin việc trả nợ. Anh Dàn yêu cầu cung cấp giấy tờ cá nhân, nên T đưa giấy Chứng minh công an nhân dân, Giấy phép lái xe và Chứng minh nhân dân cho anh D kiểm tra. Thấy vậy, anh D đồng ý cho T thuê xe ô tô hiệu Hyundai ELANTRA 75A-097.35 trong thời gian 05 ngày và T trả trước số tiền 3.500.000 đồng, rồi T đem xe ô tô đến cho ông T giữ để làm tin. Hết thời hạn hợp đồng thuê xe, T tiếp tục đến gặp anh D để gia hạn thời hạn thuê xe, mỗi lần thêm 05 ngày và T trả số tiền 3.500.000 đồng. Đến ngày 03/8/2017, T nhắn tin báo cho anh Dàn biết là đang gặp khó khăn nên không có tiền để trả tiền thuê xe và nhờ anh Dàn đến gặp ông T để lấy lại xe ô tô, thì anh Dàn đến lấy xe ô tô về và không có khiếu nại gì đối với T. Quá trình điều tra, xác định đây là quan hệ dân sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Cơ quan điều tra thu giữ: 05 tờ giấy mượn tiền của Nguyễn Minh T.

Như vậy, Nguyễn Minh T chiếm đoạt của ông Đặng Văn T với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Hiện ông T không yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên.

Vụ 3: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 20/4/2017, Nguyễn Minh T đến gặp chị Trần Thị Lệ H (trú tại: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) nói thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios biểm kiểm soát 75A-056.39 đem đi cầm cố để lấy tiền có việc riêng và hẹn đến ngày 05/5/2017 sẽ trả lại xe ô tô, thì chị H đồng ý và giao xe ô tô cho T. Đến khoảng 11 cùng ngày, Nguyễn Minh T đến gặp chị Lê Thị T (trú tại: thành phố H) để hỏi cầm cố xe ô tô hiệu Toyota Vios nói trên, nhưng chị T không cầm cố, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị T. Sau đó, T nói dối với chị T là “đang cần tiền gấp để nộp tiền mua đất”, T đưa Thẻ đảng viên và Chứng minh công an nhân dân cho chị T xem. Tin tưởng lời nói của T là thật, nên chị T đồng ý cho T vay số tiền 40.000.000 đồng và hẹn 01 tháng sau sẽ trả lại tiền. T viết giấy mượn tiền và đưa Thẻ đảng viên

cho chị T cất giữ để làm tin. Đến khoảng 11 giờ ngày 24/4/2017, T tiếp tục đến gặp và nói dối với chị T là cho vay thêm 5.000.000 đồng để đi lấy giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và cam kết đến ngày 20/5/2017 sẽ trả lại tiền. Nghe vậy, chị T cho T vay thêm số tiền 5.000.000 đồng và T chiếm đoạt hết để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Còn xe ô tô 75A-056.39 sau khi không cầm cố được, thì T đã trả lại cho chị H, nên chị H không có khiếu nại gì.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 tờ Giấy mượn tiền của Nguyễn Minh T và 01 Thẻ đảng viên số 53.043438 cấp ngày 07/11/2014 cấp cho Nguyễn Minh T.

Như vậy, Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của chị Lê Thị T với tổng số tiền 45.000.000 đồng.

Đến ngày 19/6/2017, sau nhiều lần chị T đòi lại tiền, thì bà Hồ Thị H (mẹ của T) trả cho chị T số tiền 20.000.000 đồng để trả nợ cho T. Hiện còn lại số tiền 25.000.000 đồng, T chưa bồi thường cho chị Ty.

Đối với Nguyễn Minh T có hành vi thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios 75A-056.39 của chị Trần Thị Lệ Hoa đem đi cầm cố, thì được chị Hoa đồng ý. Nhưng sau khi không cầm cố được xe ô tô 75A-056.39, thì T đã trả lại xe cho chị Hoa. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định đây là quan hệ dân sự nên không xem xét xử lý.

Vụ 4: Vào khoảng 19 giờ ngày 15/5/2017, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô 75F8-9460 (của anh Trần Phi L, trú tại: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại và dịch vụ N để thuê xe ô tô đem đi cầm cố. T đến gặp và nói dối với anh Hồ Văn M (trú tại: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, Giám đốc công ty) là có việc riêng cần thuê xe ô tô để làm phương tiện đi lại. Tin tưởng T, anh M làm hợp đồng cho T thuê xe ô tô hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 75A-064.70, trong thời hạn 05 ngày, với giá 700.000 đồng/ngày và trả cho anh M số tiền 3.500.000 đồng. T đưa 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh T (bản photocopy) cho anh Minh giữ và gửi lại xe mô tô 75F8-9460 tại gara của anh M.

Ngay sau khi thuê được xe, T đem đi cầm cố nhiều nơi, nhưng do xe không chính chủ nên không có ai nhận cầm cố. Đến thời hạn trả lại xe, T đến thỏa thuận bằng miệng với anh M để tiếp tục thuê xe đến ngày 08/6/2017 và trả cho anh M số tiền 12.600.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ ngày 02/6/2017, T đem xe ô tô 75A-064.70 đến gặp anh Phan Đình H (trú tại: thành phố H) giới thiệu bản thân đang công tác tại Công an thị xã H và nói dối là xe của T muốn cầm cố với số tiền 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, cam kết 10 ngày sau sẽ đến lấy lại xe và T đưa các giấy tờ liên quan đến bản thân cho anh H xem. Tin tưởng T, nên anh H đồng ý cho T vay số tiền 100.000.000 đồng, nhưng chỉ đưa cho T 85.000.000 đồng, còn lại số tiền 15.000.000 đồng anh H lấy tiền lãi của 10 ngày. T viết giấy mượn tiền và đưa 01 giấy Chứng nhận kiểm định xe ô tô 75A-064.70, 01 giấy Chứng minh nhân dân (bản photocopy) và 01 giấy Chứng minh Công an nhân dân (bản Scan) đều mang tên Nguyễn Minh T cho anh H giữ để làm tin.

Nhằm che giấu hành vi phạm tội và sợ anh M phát hiện, nên từ ngày 09/6/2017 đến ngày 30/7/2017, T nhiều lần đến gia hạn hợp đồng thuê xe, mỗi lần thêm 05 ngày và thanh toán số tiền 3.500.000 đồng. Đến ngày 02/8/2017, T nhắn tin báo cho anh M biết là đã cầm cố xe ô tô nói trên.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 hợp đồng thuê xe Toyota Vios 75A-064.70 ngày 09/6/2017; 02 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe (đều bản photocopy mang tên Nguyễn Minh T); 01 xe mô tô 75F8 – 9460; 01 giấy mượn tiền ngày 02/6/2017; 01 xe ô tô 75A-064.70; 01 giấy Chứng nhận kiểm định xe ô tô 75A-064.70 và 01 giấy Chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Minh T (bản Scan).

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng: trả lại cho anh Hồ Văn M xe ô tô 75A-064.70 và anh Trần Phi L xe mô tô 75F8-9460.

Tại Bản kết luận định giá tài sản 374/KL-HĐĐG ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H, kết luận: Xe ô tô Toyota Vios 75A-064.70, có giá trị là: 350.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của anh Hồ Văn M xe ô tô Toyota Vios 75A-064.70, trị giá 350.000.000 đồng, rồi đem đi cầm cố lấy số tiền 85.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Anh Hồ Văn M không yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường tiền thuê xe ô tô từ ngày 01/8/2017 đến ngày 10/11/2017, với số tiền là 69.300.000 đồng.

Anh Phan Đình H yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 85.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Đối với Nguyễn Minh T có hành vi mượn xe mô tô 75F8-9460 của anh Trần Phi L đi làm phương tiện đi lại, rồi gửi tại gara của anh Hồ Văn M. Quá trình điều tra xác định, T không cầm cố hay thế chấp nhằm mục đích chiếm đoạt xe mô tô của anh Lâm, nên không xử lý đối với T về hành vi nêu trên.

Vụ 5: Vào khoảng 11 giờ ngày 11/6/2017, Nguyễn Minh T đến dịch vụ cầm đồ AC gặp anh Dương Viết H (trú tại: thành phố H) để thuê xe đem đi cầm cố. T giới thiệu bản thân đang công tác tại Công an thị xã H và nói dối với anh H là mới bán xe, chưa mua lại nên thuê xe để làm phương tiện đi lại, với thời gian là 10 ngày. Anh H kiểm tra giấy tờ cá nhân và làm hợp cho T thuê xe mô tô biển kiểm soát 75G1-195.38 đến ngày 20/6/2017, với số tiền 1.200.000 đồng. T đưa 01 giấy Chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Minh T (bản photocopy) cho anh H giữ để làm tin.

Ngay sau khi thuê được xe, T đến gặp anh Lê Văn T (trú tại: thành phố H) giới thiệu bản thân là công an thị xã H và nói dối là xe của vợ, đang cần tiền gấp muốn cầm cố xe và cam kết 10 ngày sau sẽ đến trả tiền. Anh T kiểm tra giấy tờ cá nhân và đồng ý cầm cố xe mô tô 75G1-195.38 cho T với số tiền 30.000.000 đồng. T viết giấy mượn tiền và đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 75G1-195.38 (bản photocopy) cho anh T cất giữ.

Nhằm che giấu hành vi phạm tội và sợ anh H phát hiện làm đơn tố cáo, nên T thỏa thuận bằng miệng để tiếp tục thuê xe thêm 10 ngày và trả số tiền là 1.000.000 đồng. Sau khi biết T cầm cố xe mô tô 75G1-195.38 cho anh T, nên anh H đã trả cho anh Thắng số tiền 30.000.000 đồng để lấy lại xe.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 Hợp đồng thuê xe ngày 11/6/2017; 01 giấy Chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu đều mang tên Nguyễn Minh T (bản photocopy).

Tại bản Kết luận về việc xác định chất lượng, giá trị tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: Xe mô tô 75G1-195.38, có giá trị là 39.948.300 đồng.

Như vậy, Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của anh Dương Việt H xe mô tô 75G1-195.38, trị giá 39.948.300 đồng, rồi đem đi cầm cố lấy số tiền 30.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Anh Dương Việt H yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Vụ 6: Vào khoảng 11 giờ ngày 20/6/2017, Nguyễn Minh T đến doanh nghiệp “Trường H” (địa chỉ: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) gặp anh Nguyễn Quốc H (trú tại: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế là Giám đốc doanh nghiệp) thuê xe ô tô để đem đi cầm cố. T nói dối với anh H là thuê xe để làm phương tiện đi lại, với thời gian 01 tháng. Anh H kiểm tra giấy tờ cá nhân và cho T thuê xe ô tô Toyota Innova biển kiểm soát 75A-100.94, với giá 500.000 đồng/ngày và phải trả trước tiền thuê xe là 15.000.000 đồng. Do không có đủ tiền, nên T thuê 10 ngày và trả trước số tiền 5.000.000 đồng, thì anh H đồng ý làm hợp đồng thuê xe.

Ngay sau khi thuê được xe, T đem đi cầm cố nhiều nơi nhưng không được, nên T đến thỏa thuận bằng miệng với anh H tiếp tục thuê xe thêm 10 ngày nữa đến ngày 10/7/2017, để nhằm mục đích tìm nơi cầm cố xe và T thanh toán cho anh H tiền thuê xe là 5.000.000 đồng.

Đến khoảng 11 giờ ngày 02/7/2017, T đem xe 75A-100.94 đến gặp anh Lê Hồng M (trú tại: thành phố H) giới thiệu bản thân là công an thị xã H và nói dối là xe cũ mới mua lại, chưa sang tên đổi chủ và cam kết 07 ngày sau sẽ trả lại tiền. Anh M kiểm tra giấy tờ cá nhân và đồng ý cầm cố xe ô tô 75A-100.94 cho T với số tiền 80.000.000 đồng. T viết giấy mượn tiền và đưa các giấy tờ liên quan đến xe ô tô cho anh M giữ để làm tin. Đến khoảng 11 giờ ngày 05/7/2017, T đến gặp và nói dối anh M là cần tiền giải quyết công việc, nên cầm cố xe ô tô lấy thêm số tiền 90.000.000 đồng và hẹn ngày 09/7/2017, sẽ trả đủ cho anh Minh số tiền 170.000.000 đồng, nên anh M đưa thêm cho T số tiền 90.000.000 đồng. Sau đó, anh M cho anh Tống Hữu Chung (trú tại: tổ 1, phường Thủy Xuân, thành phố Huế) mượn xe ô tô 75A-100.94 để làm phương tiện đi lại.

Nhằm che giấu hành vi phạm tội và sợ anh H phát hiện làm đơn tố cáo, nên ngày 10/7/2017 T đến gặp anh H tiếp tục gia hạn hợp đồng thuê xe thêm 10 ngày nữa và thanh toán cho anh H số tiền thuê xe là 5.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra thu giữ: 01 hợp đồng thuê xe ngày 20/6/2017; 01 Giấy mượn tiền; 01 xe Toyota Innova 75A-100.94 và các giấy tờ liên quan đến xe ô tô nói trên ... Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho anh Nguyễn Quốc H. Anh Hùng không yêu cầu bồi thường thiệt hại về dân sự.

Tại bản Kết luận định giá tài sản 54/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H kết luận: Xe ô tô Toyota Innova G BKS 75A-100.94, có giá trị là: 162.810.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Quốc H xe ô tô Toyota Innova G 75A-100.94, trị giá 162.810.000 đồng, rồi đem đi cầm cố lấy số tiền 170.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Anh Lê Hồng M yêu cầu Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 170.000.000 đồng. Hiện T chưa bồi thường.

Vụ 7: Vào khoảng 09 giờ ngày 09/7/2017, Nguyễn Minh T điện thoại nói dối với anh Nguyễn Như Q (trú tại: thành phố H) là đang cần tiền để nộp tiền đất và nhờ Q nói với mẹ cho T mượn số tiền 20.000.000 đồng và cam kết 03 tháng sau sẽ trả, thì Q nói để về hỏi mẹ và thông báo lại cho T. Sau đó, Q về nhà nói lại với chị Võ Thị B (trú tại: thành phố H, mẹ của Q) là có T công tác tại công an thị xã H hỏi mượn số tiền 20.000.000 đồng để nộp tiền đất, đúng 03 tháng sau sẽ trả lại tiền. Chị B nghe Q nói như vậy và tin tưởng T là công an, nên đồng ý. Đến khoảng 11 giờ ngày 11/7/2017, chị B nhờ Q đưa cho T số tiền 20.000.000 đồng, thì T viết giấy mượn tiền và đưa 01 Chứng minh nhân dân (bản photocopy), 01 giấy Chứng minh Công an nhân dân (bản Scan) đều mang tên Nguyễn Minh T để Q về đưa lại cho chị B để làm tin.

Tiếp đến khoảng 15 giờ ngày 15/7/2017, cũng với thủ đoạn trên, T điện thoại nhờ Q về nói lại với chị B cho vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/7/2017, chị B nhờ Q đưa cho T thêm số tiền 10.000.000 đồng, thì T viết giấy mượn tiền để Q về đưa cho chị B giữ.

Như vậy, Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt của chị Võ Thị B với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra thu giữ: 02 tờ giấy mượn tiền của Nguyễn Minh T và 01 giấy Chứng minh công an nhân dân của Nguyễn Minh T (bản Scan).

Chị Võ Thị B yêu cầu T bồi thường số tiền 34.500.000 đồng (gồm: tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi 4.500.000 đồng). Hiện T chưa bồi thường. Nhưng tại phiên tòa chị Bích yêu cầu T trả lại tiền gốc là 30.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Như vậy, Nguyễn Minh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô và 02 xe ô tô của 03 người, với tổng số tiền là 552.758.300 đồng, rồi đem đi cầm cố lấy số tiền 285.000.000 đồng và vay mượn tiền của 04 người với tổng số tiền là

245.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 797.758.300 đồng (Bảy trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn ba trăm đồng).

Sau khi gây án xong, Nguyễn Minh T bỏ trốn khỏi địa phương, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định truy nã bị can số 01/PC44 ngày 02/02/2018. Đến ngày 13/3/2018, Nguyễn Minh T bị bắt tại thành phố Hồ Chí Minh và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản cho người bị hại như nêu ở trên.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định trả lại cho Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an thị xã H:

- + 01 Sổ chương trình công tác của Nguyễn Minh T;
- + 01 Sổ hộ khẩu số 580171384 của ông Lê Quang M.
- + 07 Biên bản kiểm tra công tác công an.

Trả lại cho Phòng tổ chức cán bộ Công an tỉnh Thừa Thiên Huế:

- + 01 Giấy CMCAND số 245-741 họ tên Nguyễn Minh T;
- + 01 phôi giấy CMCAND;
- + 03 Giấy CMCAND số 245 -192, số 249-228 và số 249 -968 cấp cho Trương Công D, Trần Đại N và Trần Sỹ N.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P3 ngày 15/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt tổng cộng là 390.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị xử lý các vật chứng kèm theo hồ sơ vụ án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về Tố Tụng:** Trong vụ án này có một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, hơn nữa họ đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử như lời đề nghị của Viện kiểm sát, bị cáo tại phiên tòa.

[2] **Về Nội dung:** Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản để lấy tiền trả nợ và sử dụng cá nhân, nên trong thời gian từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017, Nguyễn Minh T (nguyên cán bộ công an thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) có thủ đoạn nói dối vay mượn tiền để xây dựng nhà, nộp tiền đất... và đến các cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô, mô tô tự lái để thuê xe làm phương tiện đi lại. Để mọi người tin tưởng, không nghi ngờ khi cho vay mượn tiền và cho thuê xe, T giới thiệu bản thân là công an và sử dụng các loại giấy tờ cá nhân thể hiện bản thân mình là cán bộ công an để tạo niềm tin. Do tin tưởng T là cán bộ công an, nên nhiều người cho T vay mượn tiền và các cơ sở dịch vụ đã làm hợp đồng cho T thuê xe để làm phương tiện đi lại, nhưng thực chất T đem đi cầm cố cho người khác lấy tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân. Nguyễn Minh T đã chiếm đoạt 02 xe ô tô và 01 xe mô tô của các Hồ Văn M, Dương Viết H, Nguyễn Quốc H có tổng giá trị là 552.758.300 đồng, đem đi cầm cố lấy số tiền 285.000.000 đồng và vay mượn tiền rồi chiếm đoạt của bà Mai Thị Thúy V, ông Nguyễn Đăng T, bà Lê Thị T và bà Võ Thị B, với tổng số tiền là 245.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản và tiền Nguyễn Minh T chiếm đoạt là **797.758.300 đồng**.

[3] Hành vi của bị cáo T như vừa nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạm vào điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Cơ quan điều tra đã khởi tố và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-P3 ngày 15 tháng 11 năm 2018 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là chưa đúng hướng dẫn tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Bởi lẽ, hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành và quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có lợi hơn đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 để xử bị cáo theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhận thấy: Đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nguyên là cán bộ Công an nên hiểu rất rõ quy định của pháp luật, biết việc đưa ra những thông tin giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã cố tình phạm tội.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc, trong quần chúng nhân dân, làm mất niềm tin về hình ảnh tốt đẹp của người cán bộ công an trong lòng người dân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T với mức phạt nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo có nhân thân tốt; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả mà mình đã gây ra; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; ông Nguyễn Hữu T (bố bị cáo) có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng Nhất, Nhì và Ba, Huy chương vì an ninh tổ quốc; bà Hồ Thị H (mẹ bị cáo) được Bộ trưởng Bộ Giáo dục tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục và Ban chấp hành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng Kỷ niệm chương về sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử dưới khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Mai Thị Thúy V yêu cầu bồi thường số tiền: 50.000.000 đồng; bà Lê Thị Ty T yêu cầu bồi thường số tiền: 25.000.000 đồng; ông Phan Đình H yêu cầu bồi thường số tiền: 85.000.000 đồng; ông Dương Viết H yêu cầu bồi thường số tiền: 30.000.000 đồng; ông Lê Hồng M yêu cầu bồi thường số tiền: 170.000.000 đồng; bà Võ Thị B yêu cầu bồi thường số tiền: 30.000.000 đồng.

Tổng cộng những người bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường số tiền: **390.000.000** đồng. Hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo T phải bồi thường cho những người bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nói trên.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản cho người bị hại và cơ quan liên quan như nêu ở trên. Nay không có ai yêu cầu gì thêm.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe số 000699 mang tên Nguyễn Minh T nay tuyên trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Minh T.

- Đối với 01 Thẻ Đảng viên số 53.043438 cấp cho Nguyễn Minh T. Do bị cáo đã bị xóa tên trong danh sách Đảng viên nên tuyên trả lại cho Đảng ủy Công an thị xã H để xử lý.

- Đối với 03 Giấy CMCAND số 245 – 741 (bản scan, in màu) do Công an thị xã H cấp cho Nguyễn Minh T. Xét thấy đây là bản phô tô màu không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu theo luật định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu trên số tiền còn phải bồi thường, cụ thể: $(5\% \times 390.000.000 \text{ đồng}) = 19.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Khoản 1 Điều 7, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T, 11** (mười một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 13/3/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015, các Điều 579, 580, 585, 586, và 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Mai Thị Thúy V số tiền: 50.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Lê Thị Ty T số tiền: 25.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Phan Đình H số tiền: 85.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Dương Viết H số tiền: 30.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông Lê Hồng M số tiền: 170.000.000 đồng.
- Bồi thường cho bà Võ Thị B số tiền: 30.000.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường cho những người bị hại số tiền: **390.000.000** đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 bộ luật hình sự và Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử lý:

- Đối với 01 Giấy phép lái xe số 000699 mang tên Nguyễn Minh T nay tuyên trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Nguyễn Minh T.

- Đối với 01 Thẻ Đảng viên số 53.043438 cấp cho Nguyễn Minh T. Do bị cáo đã bị xóa tên trong danh sách Đảng viên nên tuyên trả lại cho Đảng ủy Công an thị xã H để xử lý.

- Đối với 03 Giấy CMCAND số 245 – 741 (bản scan, in màu) do Công an thị xã H cấp cho Nguyễn Minh T. Xét thấy đây là bản phô tô màu không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 19.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án này là sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT- Huế;
- Sở Tư Pháp tỉnh
- Cục THADS tỉnh TT - Huế;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Tòa HS, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường